TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày 05/8/2022
V/v "Kiện đòi Bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Tiến Quang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất- Thư ký tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kha- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST- DS, ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXX-ST, ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Thèn Minh C. Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện H, T. H. Số căn cước công dân: 002059002518, ngày cấp 10/5/2021. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Biên C. Địa chỉ: Thôn 10, xã N, H. H, T. H.Số căn cước công dân: 002084005012, ngày cấp 10/5/2021.Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: chị Đỗ Thị H. Địa chỉ: Thôn 10, xã N,H.H, T. H.Số căn cước công dân: 002184007375, ngày cấp 10/5/2021. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Đỗ Thị H. Địa chỉ: Thôn 10, xã N, H.H, T.H.Số căn cước công dân: 002184007375, ngày cấp 10/5/2021. Có mặt

Người làm chứng: anhHoàng Văn L. Địa chỉ: thôn 7 Cháng Lai, xã N, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là ông Thèn Minh C trình bày như sau:

Vào năm 2003, ông Thèn Minh C có đơn xin mượn đất của Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N, huyện H và được ông Hoàng Tiến Dươm nguyên chủ tịch UBND xã N ký xác nhận, chấp thuận vào ngày 16/4/2003. Sau khi mượn đất, ông C đã dựng nhà gỗ, làm chuồng trại nuôi trâu và có trồng cây xoan. Đến năm 2010, vị trí đất mà ông C mượn nêu trên đã được UBND huyện H cấp cho bốn hộ gia đình trong đó có anh Hoàng Văn L và anh Hoàng Văn K (đã chết năm 2020) nên có xảy ra tranh chấp do trên đất còn có các tài sản của ông C đã tạo dựng khi mượn đất trước đó. Sau khi được các cơ quan giải quyết tranh chấp tại UBND xã N thì ông C đã được anh Hoàng Văn K và anh Hoàng Văn L nhận trách nhiệm bồi thường các tài sản trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh K và anh L số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ông C đã nhận đủ tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Thời gian nhận tiền là vào ngày 24/4/2018, trước sự chứng kiến của ban hòa giải tranh chấp thì người giao tiền gồm có anh L, anh K, anh C. Số tiền hỗ trợ là công làm ra tài sản trên đất, công tháo dỡ tài sản trên đất chuyển đi nơi khác đối với các tài sản nằm trong diện tích đất mà anh K và anh L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Sau đó, anh Hoàng Văn L và anh Hoàng Văn K đã cùng nhau chuyển nhượng xong số đất được cấp mỗi người 36m^2 cho vợ chồng anh Trần Biên C và chị Đỗ Thị H. Anh C, chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, anh C, chị H phá dỡ tài sản trên đất để xây dựng nhà ở và các hạng mục khác như xây kè bê tông cốt thép và xảy ra tranh chấp về tài sản với ông C. Ông C khởi kiện yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường thiệt hại về tài sản tổng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Bao gồm thiệt hại tài sản nằm trong và ngoài diện tích mà anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thiệt hại tài sản trong diện tích anh C, chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C yêu cầu bồi thường cụ thể từng loại tài sản như sau:

-Yêu cầu bồi thường 3.000.000đ(ba triệu đồng) đối với tài sản là 01 gian nhà gỗ, diện tích 12,2m x 7m, làm bằng gỗ sa mộc, gỗ tạp mọc trong rừng không biết tên và cây tre. Căn cứ yêu cầu là do anh C tháo dỡ không báo cho ông C.

-Yêu cầu bồi thường 4.900.000đ (bốn triệu chín trăm nghìn đồng) đối với khối lượng kè đá là 25m^3. Lý do là anh C lấp đi để làm nhà mà không tháo dỡ ra cho ông C nên ông C bị thiệt hại.

-Yêu cầu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với tài sản là 3 cây xoan đường kính từ 15-20cm. Sau khi anh C chặt thì ông C phải được lấy gỗ nhưng sau khi chặt thì ông C không được lấy gỗ nên bị thiệt hại.

Đối với thiệt hại tài sản ngoài diện tích anh C, chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 40.600.000đ(bốn mươi triệu sáu trăm nghìn đồng). Cụ thể từng loại tài sản và căn cứ, lý lẽ của ông C đưa ra đối với từng loại tài sản như sau:

- Yêu cầu bồi thường 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) đối với 01 gian chuồng trại là chuồng trâu. Lý do yêu cầu là do anh C tự tháo dỡ của ông C gây thiệt hại cho ông C.

-Yêu cầu bồi thường 8.000.000đ (tám triệu đồng) đối với 20 cây xoan có đường kính từ 10cm-15cm;

-Yêu cầu bồi thường 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) đối với 12 cây xoan đường kính từ 5cm-10cm.

- Yêu cầu 800.000đ(tám trăm nghìn đồng) đối với 20 mầm cây xoan đường kính từ 3cm-5cm.

Lý do yêu cầu là anh Trần Biên C tự ý chặt phá cây của ông C do đó ông yêu cầu bồi thường.

- Yêu cầu 2.000.000đ(hai triệu đồng) đối với việc cây nhãn bị vạc vỏ: lý do yêu cầu là mỗi năm cây ra quả khoảng 50kg và bán 1kg là 20.000đ. Trong hai năm bị vạc vỏ thì bị thiệt hại mất 2 triệu.

- Về kè đá: Ông C cho rằng bị nhà anh C thuê người đào ra nên thiệt hại 01 bậc kè đá và ông yêu cầu bồi thường 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

Đại diện cho bị đơn trình bày: Bị đơn không chấp nhận bồi thường thiệt hại các khoản theo yêu cầu của ông Thèn Minh C. Vì lý do như sau:

Đối với những tài sản nằm trong diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: ông Thèn Minh C đã được anh Hoàng Văn K và anh Hoàng Văn L nhận hỗ trợ bồi thường công khai phá, cải tạo, trồng cây, làm nhà, kè đá...số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Do anh K và anh L sau khi bồi thường thì sẽ chuyển nhượng sang cho anh C, chị H nên các bên đã có hỗ trợ cùng nhau góp tiền bồi thường tài sản cho ông C. Trong đó, giữa anh K, anh L và gia đình anh C có thỏa thuận và anh C, chị H đã góp vào 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Số tiền hỗ trợ ông C là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đã được giao tại phòng làm việc của UBND xã N và có các thành phần giải quyết chứng kiến ngày 24/4/2018. Ông C đã được hỗ trợ mà nay lại tiếp tục yêu cầu nên gia đình không nhất trí bồi thường. Gia đình bị đơn trước khi tháo dỡ nhà gỗ đã thông báo cho ông C tại buổi làm việc ngày 13/12/2019 thời gian đã thông báo trước cho ông C là ngày 15/12/2019 tháo dỡ để ông có thể lấy tài sản để sử dụng. Khi tháo dỡ có con của của ông C là anh Thèn Mạnh L lên xem việc tháo dỡ. Sau khi tháo thì ông C lên hiện trường thì gia đình đã xếp tài sản ở căn nhà gỗ ngay sát nhà của bị đơn và cũng đã bảo ông C là mang tài sản đi nhưng ông C không mang đi vẫn để đến nay.

Đối với những tài sản nằm ngoài diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn trình bày:

Về kè đá: bị đơn không sử dụng và không có hành vi phá kè đá của ông C còn kè đá có bị thiệt hại thì không phải do gia đình gây thiệt hại.

Về cây xoan, mầm xoan: bị đơn không thấy có số cây xoan và mầm xoan như ông C nêu và không được phá hoại cây nên không chấp nhận bồi thường

Về chuồng trâu: bị đơn khẳng định là không có chuồng trâu như theo yêu cầu của ông C và không được thuê thợ tháo nên không chấp nhận bồi thường

Về cây nhãn: bị đơn không được vạc vỏ, không gây thiệt hại về cây nhãn nên không chấp nhận bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H nhất trí với các ý kiến và quan điểm của bị đơn.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người làm chứng anhHoàng Văn L trình bày trong các bản khai nội dung như sau: anhHoàng Văn L có nhận công việc làm thuê do anh C, chị H thuê tháo dỡ tài sản. Số tài sản anh C thuê anh L tháo dỡ và anh L đã được chặt phá và tháo dỡ gồm: tháo dỡ 01 gian nhà gỗ và 01 gian chuồng trâu; chặt 02 cây xoan cạnh căn nhà gỗ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án:

Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Minh C. Buộc anh Trần Biên C phải bồi thường cho ông Thèn Minh C số tiền là 4.099.060 đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng). Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Minh C số tiền là 45.900.940 đ (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Thèn Minh C khởi kiện yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường thiệt hại về tài sản, anh Trần Biên C có nơi cư trú tại thôn 10, xã N, huyện H, tỉnh H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H theo quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về tài sản ông C yêu cầu bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ cho thấy vào năm 2003, ông Thèn Minh C đã được ông Hoàng Tiến D nguyên chủ tịch UBND xã N ký xác nhận, chấp thuận cho mượn đất của xã N huyện H để phát triển kinh tế trang trại. Sau khi mượn đất, ông C đã có tôn tạo đất và tạo dựng tài sản trên đất. Đến năm 2010, vị trí đất ông C mượn đã được UBND huyện H cấp cho bốn hộ gia đình trong đó có anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn L đến năm 2015, anh K và anh L bán cho gia đình bị đơn anh Trần Biên C. Căn cứ " Biên bản xác minh nội dung đơn đề nghị hộ gia đình ông Thèn Minh C thôn 10 xã N huyện H, tỉnh H" ngày 21 tháng 12 năm 2017(bút lục số 54) cho thấy kết quả xác minh tài sản trên đất 4 hộ gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ông C đã xây dựng và trồng các loại cây gồm có 02 (hai) ngôi nhà gỗ vách gỗ, kết cấu đỡ bằng gỗ kết hợp tre, mái lợp proximang không lắp

đường điện và nước sinh hoạt có diện tích là 12,2m x 7,0m và 7,0 x 8,0m. Ngoài ra, có 5 bậc kè xếp đá chít mạch bằng bê tông; 23 cây xoan đường kính 3-5cm, 2 cây xoan đường kính 11-15cm; 01 cây nhãn đường kính 11-15cm; 16 cây xoan 6-10cm; 04 cây chuối tơ; 06 cây tre gai <6cm. Các chứng cứ khác do nguyên đơn nộp cho thấy có tài sản của nguyên đơn trên đất theo biên bản nêu trên vào thời điểm lập biên bản. Sau thời điểm lập biên bản đến ngày 15/12/2019, anh Trần Biên C phá dỡ tài sản nằm trong diện tích anh Trần Biên C, chị Đỗ Thị H được cấp đất để lấy mặt bằng sử dụng và đã có thay đổi về hiện trạng tài sản tại hiện trường. Sau khi Tòa án xem xét thẩm định ngày 01/6/2022 cho thấy tài sản đã không còn nguyên như trong biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2017. Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy tại hiện trường hiện nay còn lại số tài sản là 2 bậc kè đá trong đó có 01 bậc không còn liền nhau nguyên vẹn; có 01 cây nhãn bị vạc vỏ; có 01 nhà tôn và kè bê tông cốt thép; 02 gian nhà gỗ ở vị trí một gian ở bên trên, một gian ở bên dưới có diện tích nhỏ hơn so với biên bản năm 2017 nêu trên và bên trong có chứa gỗ, tre đã qua sử dụng; 07 cây xoan đường kính từ 5cm đến 23cm. Số tài sản mới xây dựng như nhà tôn và kè bê tông là của anh Trần Biên C, chị Đỗ Thị H xây trong diện tích đất đã mua của anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn L. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, các biên bản, các lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy trong phần đất anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây dựng nhà ở, kè bê tông cốt thép như hiện nay thì trước đó có tài sản của ông C gồm: 03 bậc kè xếp đá chít mạch bằng bê tông; 02 cây xoan đường kính 11-15cm; 01 căn nhà gỗ. Còn lại các tài sản khác trong biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2017 là nằm ngoài diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét yêu cầu bồi thường các tài sản trong diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ vào " Biên bản giải quyết đơn đề nghị hộ gia đình ông Thèn Minh C thôn 10 xã N huyện H tỉnh H" (bút lục số 288) Trong phần kết quả giải quyết có ghi rõ việc ông C đã nhận đủ tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) từ anh Hoàng Văn K, anh Hoàng Văn L và ghi rõ nội dung ông Thèn Minh C tự phá dỡ toàn bộ tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên diện tích đất đã được hỗ trợ, không được cản trở việc xây dựng hay mua bán của các hộ gia đình. Qua biên bản xác minh từ anh Hoàng Văn L và các chứng cứ bị đơn cung cấp xác định được nội dung anh C, chị H đã góp vào 30.000.000đ(ba mươi triệu đồng) trong số 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đã hỗ trợ cho ông C là đúng sự thật. Các lời khai của đương sự đều cho thấy các đương sự thừa nhận việc nguyên đơn đã được nhận hỗ trợ về các tài sản trong diện tích hiện nay anh Trần Biên C và chị Đỗ Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, đến ngày 13 tháng 12 năm 2019, ông C chưa tháo dỡ nên tiếp tục có " Biên bản làm việc" (bút lục số 285) đã thể hiện ông C đã được ấn định thời hạn hoàn thành việc dỡ tài sản là trước ngày 15/12/2019. Ông C phải dỡ xong. Căn cứ vào bản ghi âm do ông C cung cấp và lời khai của đương sự cho thấy có nội dung sau khi thỏa thuận bằng biên bản thì ông C đã nhất trí cho anh C tự tháo dỡ tài sản trên đất. Mục đích tháo dỡ là để anh C có mặt bằng sử dụng đất đã mua của anh K và anh L. Sau đó, đúng ngày 15/12/2019, anh C đã tiến

hành dỡ tài sản trên đất. Ngoài ra, người làm chứng là anh Hoàng Văn L xác nhận, trong ngày 15/12/2019 khi thợ tháo dỡ thì con của ông C là anh Thèn Mạnh L có mặt và biết việc tháo dỡ. Như vậy, việc anh C tháo dỡ tài sản trên đất đã được thông qua cho ông C được biết và ông C đã được nhận tiền hỗ trợ đối với số tài sản anh C tháo dỡ. Hội đồng xét xử thấy rằng: ông C đã được nhận hỗ trợ đủ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đối với phần tài sản trong diện tích anh C chị H đã được cấp là đã đảm bảo về quyền lợi giá trị tài sản.

[4] Về việc giao tài sản sau khi tháo dỡ: các chứng cứ trong vụ án không thể hiện rõ ràng nội dung các thoả thuận cam kết cụ thể về thời gian, địa điểm, số lượng và nghĩa vụ, trách nhiệm giao lại tất cả tài sản sau khi tháo dỡ cho ông C. Anh C không có lỗi khi tháo dỡ tài sản mà ông C đã được hỗ trợ và mặt khác sau khi tháo dỡ anh C đã để tài sản là các vật liệu của nhà gỗ vào trong căn nhà gỗ của ông C ngay sát nhà anh C. Ông C cũng biết và thấy tài sản là nhà gỗ sau khi tháo ra được để trong nhà gỗ do ông C dựng từ trước ở ngay sát bên cạnh nhà anh C nhưng không có phương án bảo quản, sử dụng để thất thoát là có một phần do lỗi của ông C. Về kè đá của ông C đã hết niên hạn sử dụng theo kết luận của Hội đồng định giá và thực tế không thể sử dụng để đảm bảo an toàn nên khi dùng đất làm nhà thì anh C phải kè lại toàn bộ khu đất và bao quanh kè đá cũ của ông C bằng kè sắt, bê tông tránh sạt lở. Không có chứng cứ cho thấy anh C phải tháo kè đá và chặt cây xoan xong phải giao khối lượng đá và xoan cho ông C. Về cây xoan trong diện tích, theo người làm chứng là anh L thì chỉ có hai cây xoan. Hội đồng xét xử thấy rằng: tất cả tài sản là nhà gỗ, cây xoan, kè đá nằm trong diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là những tài sản mà ông C đã nhất trí với giá trị hỗ trợ là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và ông C đã được nhận hỗ trợ và nhất trí tháo dỡ tài sản đó để chủ sử dụng đất có mặt bằng để sử dụng. Ngoài ra, không có thỏa thuận, cam kết về việc bàn giao, bảo quản, sử dụng tài sản sau khi tháo dỡ tài sản. Sau khi có thống nhất cho anh C, chị H tháo dỡ rồi ông C tiếp tục yêu cầu bồi thường vì cho rằng tài sản sau khi tháo dỡ ra thì ông C vẫn phải được nhận lại. Lý do đưa ra là ông C không được nhận tài sản sau khi tháo dỡ nên ông vẫn yêu cầu bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường 9.400.000đ (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đối với các tài sản trong diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Xét yêu cầu bồi thường các tài sản nằm ngoài diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

[6] Đối với cây xoan và mầm xoan: ông C yêu cầu 8.000.000đ (tám triệu đồng) đối với 20 cây xoan có đường kính từ 10cm-15cm; 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) đối với 12 cây xoan đường kính từ 5cm-10cm; 800.000đ đối với 20 mầm cây xoan đường kính từ 3cm-5cm. Các chứng cứ do nguyên đơn nộp thể hiện nội dung có xảy ra tranh chấp liên quan đến việc anh C đã tháo dỡ tài sản là nhà và chặt cây của ông C từ ngày 15/12/2019 và quá trình hòa giải của cán bộ tại cơ sở. Các tài liệu, chứng cứ thể hiện có gốc xoan, mầm xoan. Tuy nhiên, không có chứng cứ và người làm chứng được chứng kiến việc anh Trần Biên C là người chặt

cây xoan và mầm xoan của ông C và cũng không có chứng cứ về việc kiểm đếm xác định số lượng, chủng loại tài sản ngay sau khi bị gây thiệt hại là cây xoan. Xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy không đủ cơ sở xác định về số lượng thiệt hại và người gây thiệt hại về cây xoan và mầm xoan của ông Thèn Minh C là anh Trần Biên C. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông C đối với yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường tài sản cây xoan và mầm xoan số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[7] Đối với yêu cầu bồi thường tài sản là kè đá số tiền là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng): Tại biên bản xem xét thẩm định có thể hiện có khối lượng kè đá bị thiệt hại trên thực tế. Ông C cho rằng bị anh C thuê người đào ra định làm kè nhưng sau đó dừng lại không làm nữa và gây thiệt hại cho ông C. Căn cứ Báo cáo của UBND xã N, huyện H số 79, ngày 21 tháng 7 năm 2022 cho thấy đúng là có nội dung anh C có đào móng, tập kết vật liệu kè bê tông phía sau nhà anh C và thuộc đất ông C mượn của UBND xã N. Tuy nhiên, tại thời điểm UBND xã giải quyết thì hiện trạng vẫn còn có 02 kè đá của ông C và không thể hiện có hành vi phá hoại của anh Trần Biên C đối với tài sản của ông C là kè đá. Đồng thời, hình ảnh do UBND xã cung cấp thể hiện vẫn có bậc kè đá như báo cáo đã nêu. Sau đó, hành vi vi phạm về đất đai của anh Trần Biên C đã bị lập biên bản và yêu cầu chấm dứt. Trong biên bản xác minh với anh Ma Văn K trú tại thôn 9 xã N, huyện H là thợ được nhà anh C thuê để xây kè cho thấy không có việc anh C phá kè của ông C để xây lại kè mới. Hội đồng xét xử thấy rằng không đủ căn cứ cho rằng anh Trần Biên C là người gây ra thiệt hại về kè đá cho ông C. Do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông C đối với kè đá ngoài diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

[8] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây nhãn số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng): Tại biên bản xem xét thẩm định có thể hiện đằng sau phần đất của nhà anh C và giáp bờ suối có 01 cây nhãn đang có quả và phần gốc vết bị vạc vỏ xung quanh đã lâu. Nguyên đơn không có chứng cứ xác định người vạc vỏ cây nhãn là anh Trần Biên C. Hội đồng xét xử thấy rằng không đủ căn cứ cho rằng anh Trần Biên C gây ra thiệt hại do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông C đối trong việc gây thiệt hại với cây nhãn ngoài diện tích anh C và chị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[9] Xét yêu cầu bồi thường 01 gian chuồng trâu: Nguyên đơn có giao nộp chứng cứ chứng minh vào ngày 15/12/2019, anhHoàng Văn L là người được anh Trần Biên C thuê tháo tài sản gồm hai cây xoan; 01 căn nhà gỗ bên trên nằm trong diện tích đất anh C, chị H được cấp và 01 gian chuồng trâu bên dưới nằm ngoài diện tích đất anh C, chị H được cấp là gian chuồng trâu của ông C. Số tiền ông C yêu cầu anh C bồi thường đối với việc tháo gian chuồng trâu là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

[10] Xét về người gây thiệt hại và lỗi trong việc gây thiệt hại: Trong các chứng cứ nguyên đơn cung cấp có thể hiện người tháo chuồng trâu của ông C là anhHoàng Văn L. Anh L là người do anh Trần Biên C thuê tháo dỡ tài sản để anh

C sử dụng đất.Thời gian tháo chuồng trâu cùng ngày với ngày tháo nhà gỗ trong diện tích anh C, chị H được cấp.

[11] Các chứng cứ do bị đơn cung cấp thể hiện ngày 15/12/2019, có sự việc anh C thuê anh L tháo tài sản trong diện tích đất anh C được cấp. Tuy nhiên, chứng cứ bị đơn đưa ra thể hiện anh L chỉ được tháo ngôi nhà bên trên và chặt hai cây xoan đều nằm trong diện tích đất anh C, chị H đã được cấp và anh L không được tháo chuồng trâu của ông C. Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng việc anh L được nhận tháo chuồng trâu của ông C thì đó là chuồng trâu dưới gầm sàn của căn nhà gỗ nằm trong diện tích đất bị đơn được cấp.

[12] Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành lấy lời khai của người làm chứng anhHoàng Văn L thấy rằng: Anh L đã khai nhận toàn bộ nội dung sự việc được anh Trần Biên C thuê tháo dỡ tài sản là căn nhà gỗ và gian chuồng trâu của ông C. Khi nhận khối lượng việc làm thuê thì anh L được anh C, chị H giao tháo theo mép hai cọc bê tông đã định sẵn theo chiều ngang và chiều sâu là tháo hết tài sản từ đường kéo đến suối. Ngoài ra có chặt hai cây xoan cạnh gian nhà gỗ bên trong diện tích đất anh C được cấp. Gian chuồng trâu được tháo ra một nửa hiện nay vẫn còn nửa còn lại có kết cấu, vật liệu như nửa đã được tháo ra, phần gỗ, tre đã tháo của nhà gỗ bên trên và chuồng trâu được xếp vào 02 gian nhà gỗ hiện nay vẫn còn cạnh nhà anh Trần Biên C. Căn cứ vào báo cáo của UBND xã N cùng các hình ảnh kèm theo báo cáo thấy rằng vào cuối năm 2020, anh C có sử dụng đất đằng sau nhà anh C là đất nằm ngoài diện tích anh C, chị H được cấp và thuộc diện tích đất ông C mượn của UBND xã N làm chuồng trại. Anh C đã san đất, đào móng, tập kết vật liệu để kè bê tông khu vực đằng sau nhà anh C. Qua hình ảnh cho thấy, phần đất đó bao gồm có cả vị trí mà ông C cho rằng đã có chuồng trâu bị tháo dỡ. Sau đó, UBND xã đã lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai đối với anh C và yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm, không được kè mở rộng thêm sang phần đất ông C mượn của UBND xã N. Về tính xác thực của lời khai của anh L rằng anh L không được tháo chuồng trâu trong các chứng cứ của bị đơn đã nộp. Bị đơn không có chứng cứ thể hiện cụ thể số lượng tài sản khi thuê anh L tháo dỡ và không có chứng cứ về việc kiểm đếm số lượng tài sản sau khi anh L tháo dỡ tài sản. Do đó không đủ căn cứ chứng minh rằng bị đơn chỉ thuê anh L tháo dỡ các tài sản trong diện tích đất đã được cấp như bị đơn trình bày. Khi Tòa án lấy lời khai người làm chứng, anh L xác nhận rằng khi cung cấp chứng cứ cho chị H, anh C thì anh L chưa nhớ ra hết sự việc được tháo dỡ nên mới khai báo là không có tháo chuồng trâu còn sự thật là được tháo dỡ chuồng trâu của ông C. Do đó, lời khai của anh L trong các chứng cứ của anh C về việc anh L không được tháo dỡ chuồng trâu là không đủ xác thực và không đủ giá trị chứng minh. Căn cứ vào bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án về việc anh L tháo dỡ tài sản của ông C và các chứng cứ tài liệu khác. Hội đồng xét xử nhận thấy: anhHoàng Văn L được gia đình anh C, chị H thuê tháo dỡ tài sản của ông C. Thời điểm thực hiện là trong ngày 15/12/2019, sáng tháo gian nhà bên trên nằm trong diện tích anh C, chị H được cấp đất, buổi chiều có tháo 01 gian nhà bên dưới và chính là chuồng trâu của ông C. Không có chứng cứ cho thấy việc anh C được phép tháo dỡ tài sản của ông C nằm ngoài diện tích anh C, chị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Do đó, việc tháo dỡ tài sản là gian chuồng trâu nằm ngoài diện tích anh C, chị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có lỗi của bị đơn anh Trần Biên C. Hội đồng xét xử thấy rằng bản tự khai và biên bản lấy lời khai người làm chứng anhHoàng Văn L phù hợp với các tình tiết và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định anh Trần Biên C là người xâm phạm tài sản, gây thiệt hại tài sản là gian chuồng trâu của ông C.

[13] Về giá trị thiệt hại: Tranh chấp xảy ra xuất phát từ việc tháo dỡ tài sản. Khi Tòa án thụ lý, giải quyết thì tài sản đã không còn nguyên hiện trạng để tiến hành định giá xác định thiệt hại. Vật liệu sau khi phá dỡ xếp lẫn lộn nhau nên không xác định được rõ cái nào của chuồng trâu, cái nào của căn nhà gỗ bên trên. Căn cứ vào hiện trường vẫn còn nửa còn lại của gian chuồng trại nằm ở cạnh đất anh C, chị H được cấp; Căn cứ lời khai của người làm chứng trực tiếp tháo dỡ tài sản về đặc điểm của gian chuồng trâu đã tháo có đặc điểm tương đồng cùng loại với nửa gian chuồng trâu hiện nay đang còn. Hội đồng định giá đã dựa vào quy định về định giá đối với các tài sản không còn trên thực tế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân Tối Cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao - Bộ Tư Pháp - Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản quy định trường hợp tài sản định giá không còn thì việc xác định giá căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc hoặc tham khảo giá của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định. Do đó, Hội đồng định giá căn cứ vào gian chuồng trâu còn lại được dựng cùng thời điểm với gian đã bị tháo dỡ và có cùng loại vật liệu, kết cấu, diện tích để xác định giá trị thiệt hại của gian chuồng trâu đã bị tháo dỡ. Kết quả định giá theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản cho thấy gian chuồng trâu có giá trị là 4.099.060 đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc định giá như vậy là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế nội dung vụ án. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông Thèn Minh C về việc yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường thiệt hại đối với gian chuồng trâu số tiền là 4.099.060 đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

[14] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Thèn Minh C đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Ông C đã nộp đủ chi phí theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Biên C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông Thèn Minh C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Ông C được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Ông Thèn Minh C được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 588, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Minh C về việc yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc anh Trần Biên C phải bồi thường cho ông Thèn Minh C số tiền là 4.099.060 đ (bốn triệu, không trăm chín mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Minh C về việc yêu cầu anh Trần Biên C bồi thường thiệt hại số tiền là 45.900.940 đ (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*** Về án phí:** Anh Trần Biên C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Ông Thèn Minh C được miễn án phí. Ông Thèn Minh C được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 04469, ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

*** Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt nguyên đơn, người đại diện của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Thị Khuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bích Hà **Triệu Tiến Quang** **Nguyễn Thị Khuyên**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã N

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Phương